



TỔNG CÔNG TY MAY HƯNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tháng 9 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Dương	Chủ tịch
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Ủy viên
Bà Phạm Thị Lan Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Trung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Dương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2014
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 01/4/2014
Bà Phạm Thị Phương Hoa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 01/6/2014
Ông Nguyễn Văn Trung	Giám đốc điều hành	Bỏ nhiệm từ ngày 01/01/2013, miễn nhiệm từ ngày 01/6/2014
Ông Chu Hữu Nghị	Giám đốc điều hành	Từ ngày 01/01/2013

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Dương
Nguyên Tổng Giám đốc
Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014



Phạm Thị Phương Hoa
Tổng Giám đốc
Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 09/9/2014, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được mời tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013, tuy nhiên, việc tham gia chứng kiến kiểm kê của chúng tôi cũng như việc thực hiện các thủ tục thay thế chưa đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về số dư tiền mặt tại 31/12/2013 là 2.335.561.026 VND, một phần số lượng hàng tồn kho tại 31/12/2013 với giá trị tương ứng là 25.684.208.266 VND và số lượng máy móc thiết bị tại 31/12/2013 với giá trị còn lại là 25.754.008.777 VND.

Cuối năm, Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên (Công ty con) đã trích lập dự phòng giảm giá cho số lượng thuốc Artemisinin là hàng hóa tồn kho với số tiền là 3.919.500.000 VND. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu cần thiết để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, cũng như các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài

chính. Theo đó, chúng tôi không thể đưa ra các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013 và các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên (Công ty con) phân bổ các chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cho số lượng thành phẩm bán được trong năm mà không phân bổ theo số lượng sản phẩm thực tế sản xuất. Theo đó, lượng sản phẩm sản xuất ra nhưng đến 31/12/2013 chưa được tiêu thụ sẽ không có giá tiền và không được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để xác định ảnh hưởng của vấn đề này và các điều chỉnh cần thiết đối với một phần khoản mục hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013 và các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Năm 2013, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình (Công ty con) phân bổ chi phí tiền lương và chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá thành sản phẩm giữa các tháng không theo một tiêu thức nhất quán. Công ty cũng không phân bổ chi phí khấu hao vào các nội dung chi phí theo bộ phận và mục đích sử dụng tài sản. Ngoài ra, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ dùng để xác định giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ không được quy đổi theo tỷ lệ hoàn thành tương đương mà được xác định với tỷ lệ hoàn thành 100% như đối với các sản phẩm đã hoàn thành. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ tài liệu cần thiết để đánh giá mức độ ảnh hưởng của vấn đề này tới khoản mục hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013 và các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất:

- Thuyết minh số 3: tại đó mô tả việc Tổng công ty không phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công trên chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Thuyết minh số 35: tại đó mô tả năm 2013 là năm đầu tiên Tổng công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên không có số liệu so sánh.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý (Công ty liên kết) sử dụng để hợp nhất chưa được kiểm toán



Tạ Văn Việt

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0045-2013-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 09 tháng 9 năm 2014

Nguyễn Thị Hoa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0804-2013-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013
1	2	3	4
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		220.781.726.619
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79.386.101.308
1. Tiền	111		12.574.941.922
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.811.159.386
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	8	23.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.030.718.707
1. Phải thu khách hàng	131		69.402.027.036
2. Trả trước cho người bán	132		4.943.662.229
5. Các khoản phải thu khác	135	6	1.859.901.806
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.174.872.364)
IV- Hàng tồn kho	140	9	38.554.985.276
1. Hàng tồn kho	141		42.482.913.287
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.927.928.011)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.309.921.328
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		335.704.096
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.710.996.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.651.116
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	253.569.569
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		197.511.655.335
II- Tài sản cố định	220		124.539.059.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	115.894.825.028
- Nguyên giá	222		249.134.113.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.239.288.620)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	3.745.361.369
- Nguyên giá	228		4.817.419.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.072.057.936)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	4.898.873.009
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		62.783.743.167
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	54.182.749.167
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	8.600.994.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.698.400.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.685.096.369
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	13.303.980
VI- Lợi thế thương mại	269		7.490.452.413
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		418.293.381.954

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013
1	2	3	4
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		167.418.841.644
I- Nợ ngắn hạn	310		167.418.841.644
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	6.325.500.000
2. Phải trả người bán	312		14.502.776.702
3. Người mua trả tiền trước	313		5.473.616.408
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	16.361.471.576
5. Phải trả người lao động	315		79.091.335.236
6. Chi phí phải trả	316	20	1.088.440.058
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	12.359.675.408
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.216.026.256
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		224.885.854.156
I- Vốn chủ sở hữu	410	22	224.885.854.156
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.329.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.197.330.328
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		71.954.112
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.018.259.063
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.559.676.203
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		93.708.734.450
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		25.988.686.154
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		418.293.381.954

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01-DN/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		516.937.413
5. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)		197.315,70
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)		4,41

Người lập biểu

Cáp Thị Chinh

Nguyên Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Nguyên Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014

Nguyễn Xuân Dương

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Phương Hoa

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Mẫu số B02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	505.739.844.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		505.739.844.831
4. Giá vốn hàng bán	11	24	298.195.087.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		207.544.757.364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.762.070.250
7. Chi phí tài chính	22	26	412.129.355
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		200.564.158
8. Chi phí bán hàng	24		67.714.566.923
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		70.151.037.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		77.029.093.609
11. Thu nhập khác	31	27	1.105.995.605
12. Chi phí khác	32	27	1.075.301.492
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	30.694.113
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	41		18.427.363.044
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		95.487.150.766
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.780.602.890
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(13.303.980)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		82.719.851.856
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.331.507.384
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		80.388.344.472
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	8.896

Người lập biểu

Cáp Thị Chinh

Nguyên Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Nguyên Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Dương

Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Phương Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

Mẫu số B03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013
1	2	3
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	495.296.857.743
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(128.416.258.474)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(272.416.115.059)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(201.064.158)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(15.025.134.876)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	27.805.490.405
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(57.427.985.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.615.789.911
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(47.013.254.491)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.174.390.905
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(125.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	121.170.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.502.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.896.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.783.066.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.491.796.617)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.003.300.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.050.444.011
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.111.882.339)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.832.929.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.108.932.672
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	25.232.925.966
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.167.380.015
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.204.673)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	79.386.101.308

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

Thông tin bổ sung cho một số chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

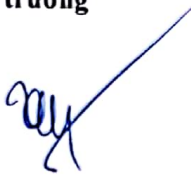
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (mã số 21) bao gồm khoản thanh toán tiền mua tài sản năm 2012, số tiền 6.960.315.000 VND và không bao gồm khoản chưa thanh toán cho người bán năm 2013, số tiền 1.753.608.000 VND.

Người lập biểu



Cáp Thị Chinh

Nguyên Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung

Nguyên Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Dương

Hùng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Phương Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY MẸ

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần được chuyển đổi theo Quyết định số 204/QĐ-TĐDMVN ngày 22/4/2011 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần May Hưng Yên thành Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi: lần thứ năm ngày 17/5/2011, lần thứ sáu ngày 11/6/2012, lần thứ bảy ngày 14/12/2012, lần thứ tám ngày 19/11/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ: 94.329.900.000 VND, mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán buôn quần áo đồng phục và quần áo may sẵn các loại, bán buôn vải giả da, bán buôn vải sợi các loại;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn phụ liệu may mặc;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại: số 8 Bạch Đằng, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.

Tổng công ty có Chi nhánh tại Hải Phòng hạch toán phụ thuộc. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0213004860 ngày 27/11/2008. Địa chỉ: số 594 Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Phú Hưng

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phú Hưng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phú Hưng từ năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0900297829 ngày 16/6/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 09/9/2011 và lần thứ hai ngày 02/3/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Trong đó: Vốn góp của công ty mẹ là 11.000.000.000 VND tương ứng 1.100.000 cổ phần (chiếm 55%)

Vốn góp của các cổ đông khác là 9.000.000.000 VND tương ứng 843.500 cổ phần (chiếm 45%)

Tại thời điểm 01/01/2013 và 31/12/2013, Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần góp thực tế chiếm 56,60% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Phú Hưng.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ;
- Sản xuất bao bì bằng giấy, bán lẻ hàng hóa trong cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm.

Trụ sở chính: Thôn Đình Cao, Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên.

Công ty Cổ phần May Sơn Động

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Sơn Động được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000460 ngày 14/10/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 29/3/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Trong đó: Vốn góp của công ty mẹ là 19.600.000.000 VND tương ứng 1.960.000 cổ phần (chiếm 78,40%)

Vốn góp của các cổ đông khác là 5.400.000.000 tương ứng 540.000 cổ phần (chiếm 21,60%)

Tại thời điểm 01/01/2013 và 31/12/2013, Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần góp thực tế chiếm 78,40% vốn thực góp của Công ty Cổ phần May Sơn Động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm dệt may các loại;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng kinh doanh của Công ty;
- Dịch vụ đào tạo cắt và may công nghiệp ngắn hạn;
- Xây dựng nhà ở cho thuê;
- Dịch vụ giặt, in, thêu;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh nguyên, phụ liệu hàng may mặc.

Trụ sở chính: Thôn Mặn, Xã An Lập, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình được chuyển đổi từ Công ty May xuất khẩu Ninh Bình theo Quyết định số 164/2004/QĐ-BCN ngày 08/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 09.03.000068 ngày 29/4/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 15/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 24.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Tại thời điểm 01/01/2013, Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần góp thực tế chiếm 80,65% vốn thực góp của Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình. Trong năm, Tổng công ty và các cổ đông khác góp thêm 11.996.300.000 VND. Đến thời điểm 31/12/2013, Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần góp thực tế chiếm 52,26% vốn thực góp của Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất trang phục;
- Bán buôn phụ liệu may mặc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Dạy nghề ngắn hạn (may mặc);
- Bán buôn phụ liệu hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm, tiêu dùng.

Trụ sở chính: số 490 Nguyễn Công Trứ, Phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình có Chi nhánh tại Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 311811 ngày 19/5/1999. Địa chỉ Chi nhánh: phòng 302, tầng 3 Tòa nhà văn phòng Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may, số 20 Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội. Chi nhánh đã ngừng hoạt động từ năm 2004, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình chưa làm thủ tục giải thể đối với Chi nhánh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 62/BB-HĐQT ngày 26/12/2013, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình có phương án tăng vốn điều lệ từ 24 tỷ VND lên 25 tỷ VND với thời gian phát hành từ tháng 12/2013 đến tháng 01/2014. Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình đang tiến hành các thủ tục để điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Châu Giang (Công ty TNHH hai thành viên trở lên) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900214484 thay đổi lần thứ năm ngày 05/6/2012, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 28/9/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Trong đó: Vốn góp của công ty mẹ là 7.950.000.000 VND tương ứng 795.000 cổ phần (chiếm 31,80%)

Vốn góp của các cổ đông khác là 17.050.000.000 VND tương ứng 1.705.000 cổ phần (chiếm 68,20%)

Tại thời điểm 31/12/2013, Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần góp thực tế chiếm 90% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hàng may sẵn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dép;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người tàn tật không có khả năng tự chăm sóc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

Trụ sở chính: Thôn Đông Kết, Xã Đông Kết, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tổng công ty không phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công trên chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất do Ban Giám đốc đánh giá việc này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên không được hợp nhất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát công ty này từ thời điểm 25/12/2013.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2013, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ (các khoản mục tiền tệ) được đánh giá lại theo bình quân tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản giao dịch. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính.

Riêng tại Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình, đối với khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán (21.036 VND/USD), chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh trực tiếp vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ), đối với các khoản mục công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán (21.080 VND/USD), chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2013 là 21.085 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

Riêng Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên (Công ty con) phân bổ các chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cho số lượng thành phẩm bán được trong năm mà không phân bổ theo số lượng sản phẩm thực tế sản xuất. Theo đó, lượng sản phẩm sản xuất ra nhưng chưa được tiêu thụ đến 31/12/2013 sẽ không có giá tiền và không được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013.

Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình phân bổ chi phí tiền lương và chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá thành sản phẩm giữa các tháng không theo một tiêu thức nhất quán. Công ty cũng không phân bổ chi phí khấu hao vào các nội dung chi phí theo bộ phận và mục đích sử dụng tài sản. Ngoài ra, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ dùng để xác định giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ không được quy đổi theo tỷ lệ hoàn thành tương đương mà được xác định với tỷ lệ hoàn thành 100% như đối với các sản phẩm đã hoàn thành.

Cuối năm, Tổng Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng hóa lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo đánh giá của Ban Giám đốc. Số dự phòng đã trích lũy kể đến 31/12/2013 là 3.927.928.011 VND.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	2013 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 20

Tổng công ty chưa phân loại các tài sản có nguyên giá không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính do Tổng công ty xác định các tài sản này sử dụng theo dây chuyền và việc chưa phân loại không ảnh hưởng trọng yếu.

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất, phần mềm giác mẫu, phần mềm khai báo hải quan và công nghệ sản xuất hương liệu, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất là các chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng 14.875,4m² đất tại Thôn Đình Cao, Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên với thời gian sử dụng là 48 năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, tài sản này được trích khấu hao theo thời gian ước tính là 10 năm. Từ tháng 01/2013 đến tháng 04/2013, tài sản này được trích khấu hao theo thời gian là 10 năm, số tiền: 74.398.600 VND. Tháng 05/2013 và tháng 10/2013, tài sản này không được trích khấu hao. Các tháng còn lại, tài sản này được trích khấu hao theo thời gian là 48 năm, số tiền: 23.249.562 VND.

- Quyền sử dụng đất là các chi phí thực tế bỏ ra để có được quyền sử dụng 37.712m² đất tại Thôn Mạn, Xã An Lập, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang trong 50 năm, kể từ ngày 20/11/2008 đến ngày 20/11/2058, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD172529 ngày 14/10/2009. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng đất.

- Phần mềm máy giác mẫu được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ năm 2010.

- Phần mềm khai báo hải quan được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm kể từ ngày bắt đầu đưa vào sử dụng.

- Công nghệ sản xuất hương liệu đã được khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại 31/12/2013.

Tổng công ty không phân loại lại tài sản chưa đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính do Tổng công ty đánh giá việc này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃ SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2013 là chi phí xây dựng công trình nhà xe, nhà kho và chi phí tư vấn, khảo sát, quy hoạch, lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công, dự toán công trình di dời cơ sở 2 của Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình tại Phường Ninh Khánh và khôi phục xây dựng lại tại Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác tương tự, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may, Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long, Công ty Cổ phần Bảo Hưng và Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư dệt may Việt Nam. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư. Năm 2013, Tổng công ty đã ghi nhận cổ tức năm 2012 được chia từ Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long là 326.262.000 VND, Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may là 280.120.800 VND, Công ty Cổ phần Bảo Hưng là 2.030.000.000 VND và một phần cổ tức năm 2013 được tạm ứng trước từ Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long là 217.508.000 VND.

Đầu tư ngắn hạn khác

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm khoản mua trái phiếu xây dựng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý, số tiền 2.000.000.000 VND; các khoản cho các Công ty vay: Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam, số tiền 8.000.000.000 VND và Công ty Cổ phần May và Thương mại Gungyong, số tiền 3.500.000.000 VND; các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên với số tiền lần lượt là 1.000.000.000 VND và 9.000.000.000 VND, chưa được phân loại và trình bày sang các khoản tương đương tiền trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh và được phản ánh trên chỉ tiêu chi phí tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí dạy nghề cho người lao động được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 24 tháng đến 36 tháng.

4.13 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt. Lợi thế thương mại được phân bổ dần một cách có hệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại là 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả tại 31/12/2013 là chi phí lãi vay chưa được xử lý theo Công văn số 1090/TĐDMVN-TCKT ngày 19/11/2013 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam và tiền lãi mua máy móc thiết bị phải trả Công ty Cổ phần May Nam Định.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng công ty bao gồm vốn góp của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Trong năm, Tổng công ty tăng vốn điều lệ từ 89.838.000.000 VND lên 94.329.900.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/3/2013. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty cổ phần. Tổng công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần tám ngày 19/11/2013 với số vốn điều lệ là 94.329.900.000 VND.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

4.16 Lợi ích cổ đông thiểu số

Là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

4.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao sang người mua, đồng thời Tổng công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xuất khẩu được ghi nhận trên cơ sở tờ khai xuất khẩu và vận đơn vận chuyển (Bill of lading) có xác nhận ngày chất hàng lên tàu, hóa đơn đã phát hành và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, chênh lệch tỷ giá, cổ tức, lợi nhuận được chia. Cụ thể:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chia cổ tức của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá và lãi chậm nộp bảo hiểm. Cụ thể:

- + Lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- + Lãi chậm nộp bảo hiểm được ghi nhận theo thông báo của cơ quan bảo hiểm xã hội.

4.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.20 Các công ty liên doanh, liên kết

Tổng công ty có các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần May Hưng Việt (góp 25% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Tiên Hưng (góp 47,03% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý (góp 38,35% vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2013).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty. Tổng công ty hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết, liên doanh sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh thì Tổng công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ khi Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết, liên doanh.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Tổng công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.22 Bên liên quan

Tập đoàn Dệt may Việt Nam góp 38,10% vốn điều lệ và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tập đoàn Dệt may Việt Nam được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Tổng công ty có các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần May Hưng Việt (góp 25% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Tiên Hưng (góp 47,03% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý (góp 38,35% vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2013). Tổng công ty góp 19,33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bảo Hưng và có chung thành viên quản lý chủ chốt. Theo đó, các Công ty này được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u> VND
Tiền mặt	3.519.391.383
Tiền gửi ngân hàng	9.055.550.539
Các khoản tương đương tiền	66.811.159.386
Cộng	<u>79.386.101.308</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2013</u> VND
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	728.524.563
Phải thu cơ quan BHXH	902.402.010
Phải thu khác	31.623.052
Tạm ứng	35.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.476.181
Phải thu người lao động tiền bảo hiểm	109.876.000
Phải thu UBND xã Đông Kết	50.000.000
Cộng	<u>1.859.901.806</u>

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Năm 2013</u> VND
Số dư đầu năm	(1.669.038.549)
Trích lập dự phòng	(245.181.578)
Hoàn nhập dự phòng	222.410.350
Xử lý nợ khó đòi	516.937.413
Số dư cuối năm	<u>(1.174.872.364)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09-DN/HN
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

8. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND
Cho vay	11.500.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May và Thương mại Gunyong	3.500.000.000
Trái phiếu xây dựng	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	1.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	9.000.000.000
Cộng	23.500.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.874.389.703
Công cụ, dụng cụ	594.311.013
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	118.790.343
Thành phẩm	28.902.256.786
Hàng hóa	7.815.550.220
Hàng gửi đi bán	177.615.222
Cộng	42.482.913.287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.927.928.011)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	38.554.985.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	(1.022.514.640)
Trích lập dự phòng	(2.974.374.486)
Hoàn nhập dự phòng	68.961.115
Số dư cuối năm	(3.927.928.011)

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND
Tạm ứng	253.569.569
Cộng	253.569.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2013	62.483.971.412	139.920.908.971	11.339.161.063	1.599.543.339	1.508.015.583	216.851.600.368	
Tăng trong năm	7.473.196.643	16.933.185.316	2.380.671.081	215.829.637	1.548.740.161	28.551.622.838	
Mua sắm	17.419.926.378	-	875.549.000	-	-	18.295.475.378	
Đầu tư xây dựng							
Giảm trong năm	1.760.426.062	6.723.357.907	1.144.073.113	103.023.801	99.181.407	9.830.062.290	
Thanh lý, nhượng bán	55.809.142	4.510.348.700	-	25.900.259	142.464.545	4.734.522.646	
Giảm khác	85.560.859.229	145.620.387.680	13.451.308.031	1.686.448.916	2.815.109.792	249.134.113.648	
Số dư tại 31/12/2013	20.140.470.870	97.091.444.541	4.998.983.319	1.273.530.716	591.635.565	124.096.065.011	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2013	3.865.551.189	14.771.192.202	1.382.255.491	70.442.593	142.650.031	20.232.091.506	
Tăng trong năm	1.157.241.669	6.717.957.522	908.724.651	70.995.086	94.935.867	8.949.854.795	
Khấu hao trong năm	46.610.535	2.025.693.853	-	25.900.259	40.808.455	2.139.013.102	
Giảm trong năm	22.802.169.855	103.118.985.368	5.472.514.159	1.247.077.964	598.541.274	133.239.288.620	
Thanh lý, nhượng bán							
Giảm khác	42.343.500.542	42.829.464.430	6.340.177.744	326.012.623	916.380.018	92.755.535.357	
Số dư tại 31/12/2013	62.758.689.374	42.501.402.312	7.978.793.872	439.370.952	2.216.568.518	115.894.825.028	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2013							
Số dư tại 31/12/2013							

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2013

TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Số 8 Bạch Đằng, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên

MẪU SỐ B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 (Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND	
				Tổng cộng	
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	4.576.158.733	40.000.000	197.360.572	4.813.519.305	
Mua sắm	-	-	3.900.000	3.900.000	
Số dư tại 31/12/2013	4.576.158.733	40.000.000	201.260.572	4.817.419.305	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	760.911.092	40.000.000	86.928.378	887.839.470	
Khấu hao trong năm	145.752.286	-	38.466.180	184.218.466	
Số dư tại 31/12/2013	906.663.378	40.000.000	125.394.558	1.072.057.936	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2013	3.815.247.641	-	110.432.194	3.925.679.835	
Số dư tại 31/12/2013	3.669.495.355	-	75.866.014	3.745.361.369	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B09-DN/HN

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01 (*)	40.000.000
Tăng (**)	4.858.873.009
Tại ngày 31 tháng 12	4.898.873.009

(*) Là chi phí tư vấn, khảo sát, quy hoạch, lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công, dự toán công trình di dời cơ sở 2 của Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình tại Phường Ninh Khánh và khôi phục xây dựng lại tại Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình.

(**) Là chi phí xây dựng nhà kho, nhà để xe.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tại 31/12/2013			Số tiền đầu tư theo phương pháp vốn chủ VND
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ/Vốn đầu tư của CSH VND	
Công ty Cổ phần Tiên Hưng	47,03%	47,03%	48.800.000.000	45.496.038.462
Công ty Cổ phần May Hưng Việt	25%	25%	8.000.000.000	4.981.164.839
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý Cộng	38,35%	38,35%	15.643.730.000	3.705.545.866
				54.182.749.167

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may	2.476.994.000
Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	204.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hưng	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư Dệt may Việt Nam	120.000.000
Cộng	8.600.994.000

	31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may	233.434	2.476.994.000
Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	54.000	204.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hưng	580.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư Dệt may Việt Nam	12.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B09-DN/HN

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.640.989.869
Chi phí dạy nghề cho người lao động	44.106.500
Cộng	2.685.096.369

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch mua, bán tài sản cố định	13.303.980
Cộng	13.303.980

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.325.500.000
Cộng	6.325.500.000

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.050.260.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.408.408.097
Thuế thu nhập cá nhân	902.803.479
Cộng	16.361.471.576

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND
Lãi mua máy móc thiết bị phải trả Công ty CP May Nam Định	281.773.392
Chi phí lãi vay	806.666.666
Cộng	1.088.440.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09-DN/HN

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	2.348.181.888
Bảo hiểm xã hội	878.184.014
Bảo hiểm y tế	69.093.000
Bảo hiểm thất nghiệp	30.664.800
Phải trả về cổ phần hoá	2.566.120.671
Phải trả khác	6.467.431.035
Cộng	12.359.675.408

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm	89.838.000.000	5.197.330.328	-	33.564.010	13.545.400.462
Tăng trong năm	4.491.900.000	-	71.954.112	6.984.695.053	11.014.275.741
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	94.329.900.000	5.197.330.328	71.954.112	7.018.259.063	24.559.676.203

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	89.838.000.000	43.400.000.000
Tăng trong năm	4.491.900.000	46.438.000.000
Giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	94.329.900.000	89.838.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.832.929.000	35.303.071.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12 của công ty mẹ trước hợp nhất	58.238.806.134
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12 của công ty con trước hợp nhất	(12.906.906.057)
Công ty Cổ phần Phú Hưng	4.583.714.619
Công ty Cổ phần May Sơn Động	(5.577.461.875)
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Ninh Bình	(3.458.668.421)
Công ty Cổ phần Châu Giang - Hưng Yên	(8.454.490.380)
Thay đổi lợi nhuận trong năm khi hợp nhất	47.043.878.310
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.332.956.063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	93.708.734.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B09-DN/HN

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Tại 31/12/2013		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	
Vốn góp của Nhà nước	35.935.200.000	35.935.200.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	58.394.700.000	58.394.700.000	-
Cộng	94.329.900.000	94.329.900.000	-

CỔ PHIẾU

	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.432.990	8.983.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.432.990	8.983.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.432.990	8.983.800
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.432.990	8.983.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.432.990	8.983.800
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	504.558.146.120
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.309.090
Doanh thu khác	1.093.389.621
Cộng	505.739.844.831

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND
Giá vốn hàng bán	298.195.087.467
Cộng	298.195.087.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09-DN/HN

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.784.007.177
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.853.890.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.122.867.434
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.304.839
Cộng	7.762.070.250

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	200.564.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.229.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.458.089
Lãi chậm nộp bảo hiểm	7.877.282
Cộng	412.129.355

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013 VND
Thu nhập khác	1.105.995.605
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	974.363.632
Thu khác	131.631.973
Chi phí khác	1.075.301.492
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	880.207.495
Phạt vi phạm hành chính	2.500.000
Lãi chậm nộp bảo hiểm	9.155.007
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	35.712.914
Chi khác	147.726.076
Lợi nhuận khác	30.694.113

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	80.388.344.472
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)	80.388.344.472
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (3)	9.036.718
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (4=2/3)	8.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09-DN/HN

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND
Công ty mẹ	12.106.609.713
Công ty con	673.993.177
Cộng	<u>12.780.602.890</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2013 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do điều chỉnh các giao dịch hợp nhất	(13.303.980)
Cộng	<u>(13.303.980)</u>

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Quyết định số 456/QĐ-HĐQT ngày 24/3/2014 của Hội đồng quản trị, bà Phạm Thị Phương Hoa được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay ông Nguyễn Xuân Dương kể từ ngày 01/4/2014.

Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu cổ đông và Hội nghị người lao động của Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần ngày 25/3/2014, phương án phân chia lợi nhuận như sau: trích các quỹ theo điều lệ với số tiền 22,8 tỷ VND, trả cổ tức với tỷ lệ 25% vốn điều lệ số tiền 23,582 tỷ VND và trích thưởng cán bộ công nhân viên 20% lợi nhuận vượt theo điều lệ với số tiền 3,38 tỷ VND.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ chín ngày 01/4/2014, vốn điều lệ của Tổng công ty là 99.046.400.000 VND và người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Phương Hoa - Tổng Giám đốc.

Theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 31/5/2014 của Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Văn Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/6/2014.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2013 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

32. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Số dư với bên liên quan	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Tiên Hưng		
Đầu tư dài hạn	10.965.000.000	10.965.000.000
Công ty Cổ phần May Hưng Việt		
Đầu tư dài hạn	1.250.000.000	1.250.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phải trả về cổ phần hóa	2.566.120.671	2.566.120.671
Vốn góp	35.935.200.000	35.935.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Số dư với bên liên quan	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý		
Đầu tư dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn (trái phiếu xây dựng)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hưng		
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	40.886.229
Đầu tư dài hạn	5.800.000.000	5.800.000.000
Giao dịch với bên liên quan	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Ý		
Góp vốn	-	5.900.000.000
Mua trái phiếu xây dựng	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiên Hưng		
Bán hàng hoá, dịch vụ	196.955.880	497.725.658
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	196.955.880	347.545.300
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	3.975.180.358
Cổ tức được chia	10.327.500.000	7.650.000.000
Thu tiền cổ tức	10.327.500.000	3.825.000.000
Bù trừ tiền cổ tức và tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	3.825.000.000
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	-	150.180.358
Công ty Cổ phần May Hưng Việt		
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	357.957.600
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	-	357.957.600
Cổ tức được chia	1.400.000.000	750.000.000
Thu tiền cổ tức	1.400.000.000	750.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Chia cổ tức	9.374.400.000	8.680.000.000
Trả tiền cổ tức	9.374.400.000	8.680.000.000
Kinh phí tham gia Tập đoàn phát sinh	33.000.000	260.000.000
Nộp tiền kinh phí tham gia Tập đoàn	33.000.000	260.000.000
Ứng hộ hội hưu trí	100.000.000	-
Nộp tiền ứng hộ hội hưu trí	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo Hưng		
Cổ tức được chia	2.030.000.000	1.740.000.000
Thu tiền cổ tức	2.030.000.000	1.740.000.000
Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	40.886.229	-
Bán hàng hoá, dịch vụ	1.464.579.288	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.464.579.288	-

33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: bộ phận sản xuất hàng may mặc, bộ phận cung cấp dịch vụ. Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Bộ phận sản xuất hàng may mặc: sản xuất và phân phối hàng may mặc.

Bộ phận cung cấp dịch vụ: cung cấp dịch vụ cho thuê nhà và một số dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty như sau:

Năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2013

	<u>Sản xuất hàng may mặc</u>	<u>Cung cấp dịch vụ</u>	Đơn vị tính: VND <u>Cộng</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	-	-	-
Tài sản không phân bổ			418.293.381.954
Cộng			<u>418.293.381.954</u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ			167.418.841.644
Cộng			<u>167.418.841.644</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013

	<u>Sản xuất hàng may mặc</u>	<u>Cung cấp dịch vụ</u>	Đơn vị tính: VND <u>Cộng</u>
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	504.558.146.120	1.181.698.711	505.739.844.831
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	<u>504.558.146.120</u>	<u>1.181.698.711</u>	<u>505.739.844.831</u>
Giá vốn			298.195.087.467
Giá vốn hàng bán			137.865.604.650
Chi phí không phân bổ			7.762.070.250
Doanh thu hoạt động tài chính			412.129.355
Chi phí tài chính			77.029.093.609
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			30.694.113
Lãi (lỗ) khác			18.427.363.044
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			95.487.150.766
Lợi nhuận trước thuế			12.780.602.890
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(13.303.980)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			82.719.851.856
Lợi nhuận sau thuế			2.331.507.384
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			80.388.344.472
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			<u>80.388.344.472</u>

Ghi chú: chi phí và lợi nhuận không tập hợp riêng được theo từng lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09-DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.21.

	<u>Giá trị ghi số</u> <u>31/12/2013</u> <u>VND</u>
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.386.101.308
Đầu tư ngắn hạn	21.500.000.000
Phải thu khách hàng	69.402.027.036
Các khoản phải thu khác	84.099.233
Cộng	<u>170.372.227.577</u>
Nợ tài chính	
Vay và nợ ngắn hạn	6.325.500.000
Phải trả người bán	14.502.776.702
Chi phí phải trả	1.088.440.058
Các khoản phải trả khác	6.467.431.035
Cộng	<u>28.384.147.795</u>

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tổng công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tổng công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**
- *Rủi ro tiền tệ*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B09-DN/HN

Việc kinh doanh của Tổng công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch bán hàng lớn đều bằng USD.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính	65.448.888.012
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.156.946.434
Phải thu khách hàng	61.291.941.578
Nợ tài chính	6.325.500.000
Vay và nợ ngắn hạn	6.325.500.000
(Nợ)/Tài sản tài chính thuần	59.123.388.012
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	59.123.388.012

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2013, lãi suất của các khoản vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ đã được cố định ở mức 3,5%/năm cho tới ngày thanh toán, do đó Tổng công ty không chịu rủi ro lãi suất.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Tổng công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tổng công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và đầu tư ngắn hạn.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng và đầu tư ngắn hạn không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế và từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Tổng công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	Năm 2013 VND
Quá hạn trên 3 năm	1.254.395.731
Cộng	1.254.395.731

Giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) này đã được Tổng công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách tránh lập dự phòng phải thu theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B09-DN/HN

Ngoài các khoản nêu trên, Tổng công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Tại 31/12/2013		
Vay và nợ	6.325.500.000	-
Phải trả người bán	14.502.776.702	-
Chi phí phải trả	1.088.440.058	-
Các khoản phải trả khác	6.467.431.035	-
Cộng	28.384.147.795	-

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2013 là năm đầu tiên Tổng công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên không có số liệu so sánh.

Người lập biểu

Cáp Thị Chinh

Nguyên Kế toán
trưởng

Nguyễn Văn Trung

Nguyên Tổng Giám
đốc

Nguyễn Xuân Dương

Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2014



Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY
MAY HÙNG YÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN

TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN

Phạm Thị Phương Hoa